

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lạc

Ông Danh Văn Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Khúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ trước sáp nhập: Khu C, bán đảo L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ sau sáp nhập: Khu C, bán đảo L, phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trọng T-Giám đốc Phòng C. Xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1980. Địa chỉ trước sáp nhập: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947. Địa chỉ trước sáp nhập: Số E, Ấp G, xã V, huyện C, tỉnh Long An. Địa chỉ sau sáp nhập: Số E, Ấp G, xã V, tỉnh Tây Ninh. Xin vắng mặt.

- Em Trần Gia B, sinh ngày 28/01/2006. Địa chỉ trước sáp nhập: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh. Xin vắng mặt.

- Em Trần Gia T1, sinh ngày 10/4/2012. Địa chỉ trước sáp nhập: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Địa chỉ sau sáp nhập: Ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện hợp pháp của em Trần Gia T1: Ông Trần Văn S, sinh năm 1980. Ông S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/02/2017, bà Phạm Cẩm T2 đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn chương trình hộ nghèo với số tiền 40.000.000 đồng để thuê sạp bán thịt heo, thời hạn 60 tháng, hạn trả nợ vào ngày 13/8/2024. Đã quá hạn từ ngày 13/8/2024 với số tiền gốc: 40.000.000 đồng. Nợ lãi: 2.517.039 đồng (tính đến ngày 27/12/2024). Tổng số nợ: 42.517.039 đồng.

Đề thu hồi tài sản của Nhà nước, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn S liên đới trả nợ cho Ngân hàng C tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 27/12/2024 là 42.517.039 đồng và yêu cầu tiền lãi phát sinh đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện, tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo lãi suất của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong. Tiền lãi đại diện Ngân hàng C tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 5.423.934 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Ông S là chồng của bà T2. Bà T2 đã chết vào ngày 20/7/2023 vì bệnh tại nhà ở khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An (nay là ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh). Ông S không biết việc bà T2 vay tiền của Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện V. Hộ gia đình ông S gồm có ông S, bà T2 và 02 con là Trần Gia B, sinh năm 2006 và Trần Gia T1, còn nhỏ, hiện học lớp 6. Trước đây vợ ông buôn bán sạp thịt heo ở chợ B1, thị trấn V. Ông S thì làm thuê. Theo hồ sơ khởi kiện của Ngân hàng C thì ngày 26/02/2017, bà Phạm Cẩm T2 có đại diện hộ gia đình (Hộ nghèo) để vay vốn chương trình hộ nghèo số tiền 40.000.000 đồng để thuê sạp bán thịt heo, thời hạn 60 tháng. Đến nay đã quá hạn nên yêu cầu ông liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền 45.423.934 đồng gồm tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025, đồng thời yêu cầu tiền lãi phát sinh sau ngày 30/9/2025 theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong thì ông S không đồng ý trả số nợ này, vì cho rằng không biết việc bà T2 vay tiền. Bà T2 chết không có để lại tài sản gì. Ông S không có đất đai, nhà cửa hay tài sản gì chung với bà T2. Ông S đang ở trong căn nhà và đất do mẹ ông để lại cho ông tại địa chỉ số A, đường T, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Ông Nguyễn Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2025 như sau: Ông Đ là ba ruột của bà T2. Ông Đ và bà S1 chung sống không có đăng

ký kết hôn và có con chung là bà T2. Hiện bà S1 và bà T2 đã chết. Ông Đ không biết việc bà T2 vay tiền của Ngân hàng C, bà T2 chết có để lại tài sản gì hay không thì ông không biết. Ông không có liên quan gì đến việc Ngân hàng tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà T2 và ông S. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án và không đồng ý liên đới trả nợ trong trường hợp Ngân hàng có yêu cầu. Do ở xa, tuổi cao nên ông xin vắng mặt không tham gia tố tụng quá trình giải quyết vụ án.

2. Em Trần Gia B trình bày tại bản tự khai ngày 29/9/2025 như sau: Em là con của bà T2 và ông S, bà T2 đã mất năm 2023 do bị bệnh. Khi còn sống thì mẹ em có buôn bán sạp thịt heo ở chợ B1, thị trấn V (cũ), còn nguồn tiền để kinh doanh sạp thịt từ đâu mà có thì em không biết. Thời điểm mẹ mất thì em đã nghỉ học và đi làm công nhân ở Bình Dương. Em B không biết gì về việc vay tiền Ngân hàng chính sách của ba, mẹ và không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án, trường hợp Ngân hàng có yêu cầu em thực hiện nghĩa vụ liên đới để trả nợ thì em không đồng ý. Khi mẹ em mất cũng không để lại di chúc và em B cũng không được hưởng tài sản nào của mẹ. Do bận đi làm xa nên em B xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với người tham gia tố tụng như nguyên đơn, đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do tại các phiên họp và hoà giải nên vi phạm Điều 70 BLTTDS, nhưng tại phiên tòa hôm nay có mặt ông S.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy:

Đối với yêu cầu của Ngân Hàng: Ông Phan Trọng T là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu ông S phải trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ chấp nhận vì: Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn ngày 19/02/2017 bà T2 đại diện cho hộ gia đình vay của Ngân hàng C số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 0,55%/tháng chương trình Cho vay Hộ nghèo, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 26/02/2022 có chữ ký của bà T2 thể hiện bà T2 có vay của Ngân hàng số tiền là 40.000.000 đồng, theo giấy ủy quyền ngày 10/02/2017 thì tại mục II các thành viên trong hộ gia đình ủy quyền cho bà T2 đứng vay và thực hiện giao dịch với Ngân hàng, nhưng bà T2 đã mất vào ngày 20/7/2023, nên ông S phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Bà T2 mất không để lại di sản, nên không xem xét trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng của hàng thừa kế của bà T2. Bà T2 và ông S là vợ chồng hợp pháp, bà T2, ông S vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng nên ông S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng 5.423.934 đồng. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng

chính sách xã hội huyện C buộc ông S phải trả cho Ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng 5.423.934 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Căn cứ các Điều 101, Điều 103, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An trước sáp nhập, hiện tại là Tòa án nhân dân khu vực 9-Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (sau sáp nhập) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả nợ khoản nợ bà Phạm Cẩm T2 đã đại diện Hộ gia đình vay của ngân hàng C gồm tiền gốc và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2025 và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/9/2025 đến thời điểm thanh toán hết khoản vay, đồng thời cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là S2 vay vốn có họ tên người vay là bà Phạm Cẩm T2, mã KH: 7065371777 có chữ ký của bà T2, có thể hiện danh sách thành viên khác trong hộ gia đình gồm có ông Trần Văn S (chồng), Trần Gia B (con) và Trần Gia T1 (con); Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay thuộc hộ nghèo. Họ tên người vay là bà Phạm Cẩm T2, sinh năm 1972, thuộc tổ chức Hội phụ nữ. Đề nghị NHCSXH cho vay số tiền 40.000.000 đồng, để thực hiện việc thuê sạp bán thịt heo, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/02/2022, lãi suất 0,55%/tháng. Số tiền trả nợ 8.000.000 đồng/lần; Giấy ủy quyền có chứng thực của UBND thị trấn V ngày 10/02/2017 về việc các thành viên trong gia đình thỏa thuận cử bà Phạm Cẩm T2 đại diện theo ủy quyền thực hiện việc đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng C; Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-Thu nợ-Dư nợ có chữ ký của bà T2 thể hiện việc Ngân hàng C đã giải ngân cho bà T2 số tiền vay 40.000.000 đồng ngày 26/02/2017. Giấy chứng tử thể hiện bà Phạm

Cầm T2 chết ngày 20/7/2023. Do đã quá hạn trả nợ không ai thanh toán nợ nên Ngân hàng C khởi kiện ông S là chồng bà T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

[3.2] Nhận thấy, Ngân hàng C khởi kiện ông S và cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà T2 đã đại diện hộ gia đình vay vốn của Ngân hàng C- Phòng C để thuê sạp buôn bán thịt heo; Bà T2 và ông S là vợ chồng hợp pháp. Bà T2 vay nợ của Ngân hàng C để thuê sạp mua bán thịt heo, nhằm phục vụ nhu cầu kinh tế thiết yếu trong gia đình nên sau khi bà T2 chết, ông S phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T2 theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự và các điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Yêu cầu của Ngân hàng C là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[3.3] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ba ruột bà T2 và 02 con chung của bà T2 và ông S trình bày không biết và không sử dụng người tiền vay, cũng không nhận bất cứ di sản gì từ bà T2 chết để lại, Ngân hàng cũng không yêu cầu tất cả những người thuộc hàng thừa kế của bà T2 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ của bà T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét việc buộc thực hiện nghĩa vụ liên đới đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 11, 12, 14, 15 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn Ngân hàng C không phải nộp tạm ứng án phí, án phí; bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn nhưng bị đơn thuộc đối tượng hộ nghèo và có yêu cầu được miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Các điều 101, 103, 288, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Các điều 100, 102 và 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn.

Buộc ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C tổng số tiền: 45.423.934 đồng. Trong đó tiền vốn: 40.000.000 đồng; Tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là: 5.423.934 đồng.

2. Kể từ ngày 01/10/2025, ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả tiếp tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng được thể hiện thông qua hình thức Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, chương trình cho vay thuộc hộ nghèo, Sổ vay vốn mã KH: 7065371777 ngày 26/02/2017 bà Phạm Cẩm T2 đã ký kết với Ngân hàng C Phòng C cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng.

3. Về án phí: Ông S thuộc đối tượng Hộ nghèo, có yêu cầu được miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại các điều 12, 14 và 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV9-Tây Ninh;
- Phòng THADS KV9-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh